

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 08-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Anh Đức;

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Khuru Thị Ngọc D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D1, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số A Kênh A, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Minh N, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Số B đường T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã Viên B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Diệp Xuân P, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của bà Khuru Thị Ngọc D, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà D có bán thức ăn thủy sản (thức ăn cá) cho ông Lê Minh N, ngụ ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau nhiều lần mua bán đến ngày 13/11/2023 thì ông Lê Minh N còn nợ bà D tổng số tiền mua bán thức ăn thủy sản (thức ăn cá) là 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng). Bà D nhiều lần gọi điện thoại và nhiều lần đi đến trực tiếp tại gia đình của ông Lê Minh N để yêu cầu ông N trả nợ cho bà D nhưng ông N vẫn chưa trả. Theo đơn khởi kiện bà D yêu cầu mình ông N có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền còn nợ là 315.000.000 đồng. Sau đó bà D có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh N cùng vợ ông N là bà Diệp Xuân P cùng liên đới trả cho bà D tổng số tiền mua thức ăn thủy sản (thức ăn cá) còn thiếu bà D là 315.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu ông N và bà P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ cho bà D.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Minh N trình bày:

Ông bắt đầu mua thức ăn cá của bà Khuru Thị Ngọc D từ năm 2020, đến ngày 13/11/2023 bà D chốt nợ thì ông còn nợ bà D số tiền 315.000.000 đồng là đúng. Nay hoàn cảnh gia đình ông khó khăn do nuôi cá thua lỗ không có tiền trả cho bà D, ông xin trả dần và khi nào có tiền thì ông trả cho bà D. Việc nuôi cá là do mình ông nuôi, bà Diệp Xuân P là vợ ông không có nuôi chung nên nợ là nợ riêng của ông, mình ông tự trả, ông không yêu cầu bà P cùng trả với ông. Ông và bà P cưới nhau năm 2007, đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M. Ông và bà P sống nhà riêng, ông sống tại ấp L, xã Viên B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, còn bà P sống tại địa chỉ: Số B đường T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ông và bà P sống nhà riêng nhưng vẫn còn là vợ chồng hợp pháp. Phần đất ông nuôi cá là do vợ chồng cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Diệp Xuân P trình bày:

Việc ông N mua thức ăn cá của bà D như thế nào thì bà không biết vì bà và ông N thường ngày làm ăn riêng, bà bán trái cây tại thị trấn M còn ông N nuôi cá tại ấp L, xã Viên B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, số nợ tiền bà D là nợ riêng của ông N, bà không liên quan đến số nợ này. Bà và ông N cưới nhau năm 2007, đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M. Bà và ông N sống nhà riêng, ông N sống tại ấp L, xã Viên B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, còn bà sinh sống tại địa chỉ: Số B đường T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nhưng vẫn còn là vợ

chồng hợp pháp. Phần đất ông N nuôi cá là do vợ chồng cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đại diện nguyên đơn, bị đơn ông N đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Bị đơn bà P vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lê Minh N và bà Diệp Xuân P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Khưu Ngọc D số tiền do mua thức ăn cá còn nợ là 315.000.000 đồng và đề nghị tuyên trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Diệp Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Diệp Xuân P.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Khưu Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Minh N cùng vợ ông N là bà Diệp Xuân P cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền mua thức ăn thủy sản (thức ăn cá) còn thiếu là 315.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông N cũng thống nhất còn nợ bà D số tiền do mua thức ăn cá còn thiếu là 315.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận ông N còn nợ bà D số tiền 315.000.000 đồng là sự thật, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[3] Việc thỏa thuận của bà D và ông N về việc mua bán thức ăn nuôi cá là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ. Bà D đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn cá cho bên mua là ông N. Ông N đã nhận đủ tài sản do bà D chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi cá, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông N chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà D theo thỏa thuận và ông N còn nợ bà D số tiền là 315.000.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, bà D yêu cầu ông N trả số tiền nợ 315.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà D yêu cầu ông N và bà P cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ cho bà D. Ông N và bà P cho rằng chỉ có ông N mua thức ăn cá của bà D, bà P không mua nên bà P không có trách nhiệm liên đới trả nợ. Tuy nhiên, bà P trình bày việc ông N nuôi cá và mua thức ăn cá thì bà vẫn biết, phần đất ông N nuôi cá là đứng tên bà P và ông N. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông N nuôi cá cũng nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, cụ thể là ông N trình bày số tiền ông nuôi cá có được một phần ông đóng tiền học cho con và phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của ông. Hơn nữa, ông N và bà P là vợ chồng hợp pháp, số tiền nợ do mua thức ăn cá phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của vợ chồng và cần buộc ông N và bà P liên đới trả số tiền còn nợ cho bà D.

[5] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn bà Khuru Thị Ngọc D được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Lê Minh N và bà Diệp Xuân P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khuru Thị Ngọc D.

1. Buộc bị đơn ông Lê Minh N và bà Diệp Xuân P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Khuru Thị Ngọc D số tiền nợ gốc là 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Khưu Thị Ngọc D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.875.000 đồng (Bảy triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000119 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông Lê Minh N và bà Diệp Xuân P phải liên đới nộp tiền án phí dân sự là 15.750.000 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

5. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện DS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến